

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm	: Niclosamide (50%) Formulation
Mã sản phẩm	: Aquabosso™ Molu,Aquabosso Molu

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty	: MSD
Địa chỉ	: Lot F, Loc An Binh Son Industrial Park, Long An Commune, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam 76200
Điện thoại	: 0251 354 5925
Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp	: +1-908-423-6000
Địa chỉ e-mail	: EHSDATASTEWARD@msd.com

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng	: sản phẩm thú y
Hạn chế khi sử dụng	: Không áp dụng được

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Độc cấp tính (Đường miệng)	: Cấp 4
Tác nhân gây ung thư (Hít phải)	: Cấp 1A
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại (Hít phải)	: Cấp 1 (Phổi)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	: Cấp 1
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	: Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo :

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm :

H302 Có hại nếu nuốt phải.
H350 Có thể gây ung thư nếu hít phải.
H372 Gây tổn thương cho các cơ quan (Phổi) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu hít phải.
H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P260 Không được hít bụi.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 + P330 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi tới TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.
P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Dán nhãn bổ sung

Các phần trăm sau đây của hỗn hợp chứa các thành phần có các nguy cơ không rõ cho môi trường nước: 2 %

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Khi tiếp xúc với mắt bụi có thể gây kích ứng cơ học.
Tiếp xúc với bụi có thể gây kích ứng cơ học hoặc làm khô da
Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002

Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Muối etanolamin niclosamid	1420-04-8	>= 40 -< 60
Canxi cacbonat	471-34-1	>= 30 -< 40
Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri	9084-06-4	>= 5 -< 7
Cristobalite	14464-46-1	>= 5 -< 7

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức.
Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa bằng nước và xà phòng.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Nếu bị văng vào mắt, hãy rửa sạch bằng nước.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, không được gây nôn trừ phi đó là chỉ định của nhân viên y tế.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Xúc miệng kỹ bằng nước.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Tiếp xúc với bụi có thể gây kích ứng cơ học hoặc làm khô da.
Khi tiếp xúc với mắt bụi có thể gây kích ứng cơ học.
Có hại nếu nuốt phải.
Có thể gây ung thư nếu hít phải.
Gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu hít phải.
- Bảo vệ người sơ cứu : Các bộ phát đáp Sơ cứu nên chú ý đến tự bảo vệ và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được đề nghị khi khả năng tiếp xúc tồn tại (xem phần 8).
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bụi nước
Bọt chịu cồn.
Carbon đioxit (CO2)
Hóa chất khô
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Được biết là chưa xảy ra.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Tránh tạo ra bụi; bụi phân tán trong không khí ở nồng độ đủ lớn và trong điều kiện có nguồn gây cháy thì có nguy cơ gây

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

	ra cháy nổ. Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Carbon ôxit Nito ôxit (NOx) Hợp chất clo Ôxit lưu huỳnh Oxit kim loại
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở. Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm. Sơ tán toàn bộ khu vực.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân. Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).
Các cảnh báo về môi trường	: Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Quét hoặc hút các vật liệu bị đổ và thu gom vào bình chứa thích hợp để tiêu hủy. Tránh gây phân tán bụi trong không khí (ví dụ như làm sạch bề mặt có bụi bằng không khí nén). Không để bụi tích tụ trên các bề mặt bởi vì chúng có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ nếu chúng được giải phóng ra không khí ở nồng độ đủ lớn. Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng. Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23
2.0	2025/04/14	11498535-00002	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23

Các biện pháp kỹ thuật	: Hiện tượng tĩnh điện có thể tích tụ và đốt cháy bụi lơ lửng gây ra cháy nổ. Cung cấp các cảnh báo thích hợp, ví dụ như sự tiếp đất và liên kết với điện, hoặc không khí trơ.
Thông gió cục bộ/toàn bộ	: Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Không được hít bụi. Không được nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt. Tránh tiếp xúc kéo dài và nhiều lần với da. Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh cộng đồng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc. Giảm thiểu việc tạo thành và tích tụ bụi. Giữ thùng chứa đóng kín khi không sử dụng Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	: Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng. Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ. Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.
Các chất cần tránh bảo quản chung	: Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây: Các chất oxy hóa mạnh

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Muối etanolamin niclosamid	1420-04-8	TWA	>= 10 < 100 µg/m3 (OEB 3)	Nội tại
Canxi cacbonat	471-34-1	TWA	10 mg/m3 (Canxi cacbonat)	VN OEL
Cristobalite	14464-46-1	TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	0,025 mg/m3 (Silica)	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp	: Tất cả các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phải được thực hiện bởi cơ sở thiết kế và phải được thao tác theo các nguyên tắc GMP để bảo vệ sản phẩm, công nhân cũng như môi trường. Phải sử dụng các kỹ thuật chứa đựng phù hợp trong kiểm soát hợp chất để kiểm soát tại nguồn và ngăn chặn việc hợp chất lan tràn ra khu vực không được kiểm soát (ví dụ như
--	---

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

các thiết bị chứa có bề mặt hở).
Tối thiểu hóa việc xử lý mở.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	:	Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.
Bộ lọc loại Bảo vệ tay	:	Loại hạt
Vật liệu	:	Găng tay chống hóa chất
Ghi chú Bảo vệ mắt	:	Cần nhắc đeo găng tay 2 lớp. Đeo kính an toàn có phần bảo vệ rìa mắt. Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp. Đeo mặt nạ hoặc thiết bị bảo vệ toàn bộ khuôn mặt khác nếu có khả năng khuôn mặt tiếp xúc trực tiếp với khói bụi, sương mù hoặc sol khí.
Bảo vệ da và cơ thể	:	Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm. Phải sử dụng thêm quần áo bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ (ví dụ, băng bảo vệ khuỷu tay, tạp dề, găng tay sắt, quần áo bảo hộ dùng một lần) để tránh tiếp xúc với da. Sử dụng kỹ thuật cởi phù hợp để cởi bỏ quần áo nhiễm hóa chất.
Các biện pháp vệ sinh	:	Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng. Vận hành hiệu quả một cơ sở phải bao gồm đánh giá các biện pháp kiểm soát kỹ thuật, thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, quy trình khử trùng và cởi quần áo nhiễm hóa chất phù hợp, kiểm soát vệ sinh công nghiệp, giám sát y tế và sử dụng biện pháp kiểm soát hành chính.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	bột
Màu sắc	:	màu vàng
Mùi đặc trưng	:	đặc tính
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa có dữ liệu

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	:	Không áp dụng được
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác.
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính ôxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Trọng lượng phân tử	:	chưa có dữ liệu
Đặc điểm hạt Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác. Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt, lửa và tia lửa. Tránh tạo ra bụi.
Vật liệu không tương thích	:	Chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc	:	Hít phải Tiếp xúc với da Ăn uống Tiếp xúc với mắt
----------------	---	--

Độc cấp tính

Có hại nếu nuốt phải.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	Ước lượng độc tính cấp: 980,39 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
-------------------------------	---	--

Thành phần:

Muối etanolamin niclosamid:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột): 500 mg/kg
-------------------------------	---	-------------------------

Canxi cacbonat:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 420 Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
-------------------------------	---	--

Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột): > 3 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403 Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp
--------------------------	---	---

Độc tính cấp qua da	:	LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402 Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da
---------------------	---	--

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 2.000 - 5.000 mg/kg
Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg

Cristobalite:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Canxi cacbonat:

Loài : Thỏ
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả : Không gây kích ứng da

Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Loài : Thỏ
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả : Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Canxi cacbonat:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23
2.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
	2025/04/14	11498535-00002	

Thành phần:**Canxi cacbonat:**

Loại kiểm nghiệm	: Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da
Loài	: Chuột nhắt
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả	: Âm tính

Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Loại kiểm nghiệm	: Thử nghiệm Buehler
Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da
Loài	: Chuột lang
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406
Kết quả	: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Muối etanolamin niclosamid:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	: Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES) Kết quả: Âm tính
Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể	: Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm gây tử vong tính trạng trội trên loài gặm nhấm (tế bào mầm) (trong cơ thể) Loài: Chuột nhắt Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải Kết quả: Âm tính

Canxi cacbonat:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	: Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471 Kết quả: Âm tính
	: Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473 Kết quả: Âm tính
	: Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476 Kết quả: Âm tính

Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
Kết quả: Âm tính

Tác nhân gây ung thư
Có thể gây ung thư nếu hít phải.

Thành phần:

Cristobalite:

Loài : Con người
Lộ trình ứng dụng : Hô hấp (bụi/ khói/ sương)
Kết quả : Dương tính

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Bằng chứng rõ ràng từ các nghiên cứu dịch tễ học trên người (qua đường hô hấp)

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Muối etanolamin niclosamid:

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Canxi cacbonat:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Kết quả: Âm tính

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
Kết quả: Âm tính

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Gây tổn thương cho các cơ quan (Phổi) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu hít phải.

Thành phần:

Cristobalite:

Đường tiếp xúc : Hô hấp (bụi/ khói/ sương)
Các cơ quan đích : Phổi
Đánh giá : Có bằng chứng cho thấy gây ra những ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe động vật tại nồng độ 0.02 mg/l/6h/d hoặc ít hơn.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

Muối etanolamin niclosamid:

Loài : Chuột
NOAEL : > 100 mg/kg
Lộ trình ứng dụng : Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm : 90 Days
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Canxi cacbonat:

Loài : Chuột
NOAEL : > 1.000 mg/kg
Lộ trình ứng dụng : Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm : 28 Days
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422

Axit naptalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Loài : Chuột

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

NOAEL	: >= 1.000 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	: Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm	: 42 Days
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422

Cristobalite:

Loài	: Con người
LOAEL	: 0,053 mg/m3
Lộ trình ứng dụng	: Hô hấp (bụi/ khói/ sương)

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Muối etanolamin niclosamid:

Độc đối với cá	: LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,0179 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	: EC50 (Daphnia longispina (Rận nước Daphnia longispina)): 0,0164 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	: ErC50 (Skeletonema costatum (tảo cát biển)): 0,071 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh)	: 10
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)	: NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,032 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 21 d
Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh)	: 10

Canxi cacbonat:

Độc đối với cá	: LL50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa thành phần (WAF) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không	: EL50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

xương sống thủy sinh khác : Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : NOELR (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): 50 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

EL50 (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Độc tính đối với các vi sinh vật : NOEC: 1.000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209

EC50: > 1.000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209

Axit naphtalensulfonic, polyme với focmandehit, muối natri:

Độc đối với cá : LC50 (*Brachydanio rerio* (cá vằn)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Cristobalite:

Độc đối với cá : LC50 (*Danio rerio* (cá vằn)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (*Daphnia magna* (Bọ nước)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học**Thành phần:****Muối etanolamin niclosamid:**

Tính tích lũy sinh học : Loài: Cá
Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): < 500
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: 3,86
Ghi chú: Tính toán

Độ linh động trong đất
chưa có dữ liệu

Các tác hại khác
chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Loại bỏ theo quy định của địa phương
Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa trống cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn
để tái chế hoặc loại bỏ
Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm
chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID,
N.O.S.
(Niclosamide ethanolamine salt)
Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : 9
Nguy hại với môi trường : có

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp : Environmentally hazardous substance, solid, n.o.s.
(Niclosamide ethanolamine salt)
Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : Miscellaneous
Hướng dẫn đóng gói (hàng
hóa máy bay) : 956
Hướng dẫn đóng gói (hành
khách máy bay) : 956
Nguy hại với môi trường : có

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID,
N.O.S.
(Niclosamide ethanolamine salt)

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11498535-00002	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
------------------	--	---	---

Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	9
Mã EmS	:	F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương	:	có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AICS	:	chưa được xác định
DSL	:	chưa được xác định
IECSC	:	chưa được xác định

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2025/04/14
gần nhất

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn
lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Các mục nơi đã có những thay đổi so với phiên bản trước được đánh dấu trong phần thân của tài liệu này bằng hai đường thẳng đứng.

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH	:	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL	:	Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
ACGIH / TWA	:	8 giờ, trung bình tính theo thời gian
VN OEL / TWA	:	Trung bình về thời gian

Niclosamide (50%) Formulation

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/12/23
2.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/12/23
	2025/04/14	11498535-00002	

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI